

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 354/2021/HS - ST
Ngày 16 – 11 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính
Ông Nguyễn Hoàng Diệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Viết Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2021 tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 321/2021/TLST-HS ngày 22/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Khánh T**; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày 04 tháng 11 năm 1987; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;
Nơi đăng ký HKTT: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Dược sĩ;
Tiền án; Tiền sự: Không;

Con ông Lê Công T, sinh năm 1960, con bà Phạm Thị C, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có chồng là Đỗ H (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Nhân thân: Tháng 9/2019, có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Ngày 22/7/2021, bị khởi tố về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đinh Thị Thu H – Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

2. Chị Dương Thị P – Sinh năm 1989

Địa chỉ: đường V, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

3. Bà Phan Thị T – Sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

4. Ông Phùng Xuân H – Sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 2/2019, Lê Thị Khánh T mua của ông Y V B'Krông một thửa đất số 522 tờ bản đồ 23 diện tích 217,3m² tại địa chỉ thôn C, xã E, Tp. B, thửa đất này được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 13378 ngày 13/3/2019 mang tên Lê Thị Khánh T. Tháng 4/2019 do cần tiền trả nợ nên T đã cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638 cho bà Phan Thị T, sinh năm 1976 – trú tại thôn 3, xã E, thành phố B. Tháng 9/2019 T đi xuất khẩu lao động tại Philippines, do lo sợ gia đình biết về việc mình đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố cho người khác nên trong thời gian ở tại Philippines, thông qua mạng xã hội Facebook, T liên lạc được với một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh, T yêu cầu người này làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá tiền 10.000.000 đồng, người phụ nữ này đồng ý nên T nhắn tin qua Facebook cho người phụ nữ này các thông tin cá nhân của T và thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi người phụ nữ làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638 giả, T nhờ người quen tại Philippines (không rõ nhân thân, lai lịch) chuyển cho người phụ nữ số tiền 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận và yêu cầu người này chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về Tp. B thông qua nhà xe R rồi T đã nhờ em dâu là Đinh Thị Thu H đến nhà xe R để lấy mang về nhà cất giữ dùm. Tháng 9/2019 T về Việt Nam và đã gặp chị H lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638 giả mang về nhà cất giữ.

Tháng 4/2021, do con gái mắc bệnh hiểm nghèo cần tiền chữa trị nên T đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên đến gặp bạn là chị Dương Thị P nhờ chị P vay giúp số tiền 100.000.000 đồng và nói với chị P nếu có khách hỏi mua đất thì giới thiệu giúp để T bán thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638. Trong khi chị P đang nhờ người vay tiền giúp T thì có người hỏi mua thửa đất của T nên chị P đã dẫn khách đi xem thửa đất và mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638 (giả) đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B để kiểm tra thông tin, tính pháp lý của thửa đất thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638 mà chị P mang đến có dấu hiệu bị làm giả nên đã lập biên bản tạm giữ và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2021 Lê Thị Khánh T đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP

226638 cho vợ chồng bà Phan Thị T và ông Phùng Xuân H. Ngày 18/6/2021 bà T, ông H đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho bà My Thị B.

Tại kết luận giám định số 732/KLGD-PC09 ngày 19/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638 (ký hiệu A1) mang tên Lê Thị Khánh T là giả. Phương pháp làm giả như sau:

Phôi, hình dấu tròn và hình dấu tên dưới mục “GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI” được tạo ra bằng phương pháp in phun màu

Hình dấu nổi được tạo ra bằng phương pháp đóng trực tiếp

Phần chữ ký dưới mục “GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI” được tạo ra bằng phương pháp ký trực tiếp.

Chữ ký mang tên Nguyễn Đình T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Nguyễn Đình T trên mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4, M5) không phải do cùng một người ký ra.

Hình dấu nổi trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1 so với hình dấu nổi có nội dung “BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ★” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra

Đồ vật tài liệu bị tạm giữ: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 13378 ngày 13/3/2019, thửa đất số 522 tờ bản đồ 23 diện tích 217,3m² tại địa chỉ thôn C, xã E, Tp. B mang tên Lê Thị Khánh T (giả).

Tại bản Cáo trạng số 349/CT-VKS-HS ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Thị Khánh T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Khánh T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như đã khai nhận tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với nội dung truy tố tại bản Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Khánh T và giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 349/CT-VKS-HS ngày 20/10/2021. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Khánh T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Khánh T với mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638 mang tên Lê Thị Khánh T (giả) là tang vật của vụ án.

- Về phần dân sự của vụ án: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Lê Thị Khánh T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo Lê Thị Khánh T đã có hành vi thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan nhà nước về con dấu, tài liệu. Đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341BLHS.

Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

1. “Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống và biết được rằng việc làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức bị pháp luật nghiêm cấm, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật mà bị cáo đã có hành vi thuê một người không quen biết làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638 mang tên Lê Thị Khánh T để sử dụng. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị Khánh T là người có nơi cư trú rõ ràng, có xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối hận. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã ly hôn và hiện đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ trong đó có một con nhỏ thuộc trường hợp bị khuyết tật nặng đang được hưởng trợ cấp hàng tháng tại địa phương (theo xác nhận ngày 14/9/2021 của UBND xã E, Tp. B). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Qua xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định của pháp luật cũng đảm bảo được tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Đối với chị Đinh Thị Thu H, là người đi nhận và cất giữ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638 giả cho Lê Thị Khánh T. Tuy nhiên do chị H không biết đây là giấy tờ giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch tại Tp. Hồ Chí Minh là người được Lê Thị Khánh T thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 226638 và người mà T nhờ chuyển số tiền 10.000.000 đồng cho người phụ nữ nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[4] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638 mang tên Lê Thị Khánh T (giả).

- Về phần dân sự của vụ án: Không.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lê Thị Khánh T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Khánh T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Khánh T cho UBND xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự để giải quyết.

*** Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- *Về xử lý vật chứng:* Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 226638 mang tên Lê Thị Khánh T (giả).

- *Về phần dân sự của vụ án:* Không

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Thị Khánh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Cơ quan THA phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng TAND Tp BMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang